CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi Tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024;

2. Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi Tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định

chi Tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam như sau:[1]

---

[1] Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại một số Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;"

Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Điều 1. Các mẫu Đơn đề nghị, Giấy phép, Báo cáo, Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; mẫu Báo cáo của Cơ quan cấp Giấy phép

1. Mẫu Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (cấp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP) theo Mẫu MĐ-1 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (cấp lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP) theo Mẫu MĐ-2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Mẫu Đơn đề nghị Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu MĐ-3 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Mẫu Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu MĐ-4 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh theo Mẫu MĐ-5 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh theo Mẫu MĐ-6 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Mẫu Đơn đề nghị Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh theo Mẫu MĐ-7 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Mẫu Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh theo Mẫu MĐ-8 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Mẫu Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu GP-1 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Mẫu Giấy phép thành lập Chi nhánh theo Mẫu GP-2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Mẫu Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo Mẫu TB của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Mẫu Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện theo Mẫu BC-1 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.”

13. Mẫu Báo cáo hoạt động của Chi nhánh theo Mẫu BC-2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

14. Mẫu Báo cáo định kỳ hàng năm của Cơ quan cấp Giấy phép theo Mẫu BC-3 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Mã số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[2]

1. Mã số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo Danh mục mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi công dân đăng ký khai sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an qua các thời kỳ.

Điều 3. Ghi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh được in trên giấy khổ A4. Cách ghi Giấy phép theo Bảng 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện[3]

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thiết lập, quản lý, vận hành, duy trì hoạt động cơ sở dữ liệu về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.moit.gov.vn.

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh có trách nhiệm cập nhật thông tin có liên quan vào cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh, chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

4. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh có trách nhiệm cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính đối với Văn phòng đại diện, Chi nhánh vào cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều này sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

5. Định kỳ hàng năm, trước ngày 28 tháng 02, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh tại địa phương.

Điều 5. Hiệu lực thi hành[4]

---

[4] Điều 3 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) để kịp thời xem xét, giải quyết.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 37 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu thay thế trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục I, các biểu mẫu mới quy định trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục II.

3. Quy định chuyển tiếp

Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.

4. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điểm đ khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

b) Cụm từ "Vụ Khoa học và công nghệ" tại điểm a khoản 4 Điều 11; cụm từ "Sở Công Thương" tại ghi chú số (5) Mẫu 01, ghi chú số (7) Mẫu 02 Phụ lục IV Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

c) Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí;

d) Điều 17 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

đ) Cụm từ "theo đường bưu điện" trong nội dung Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

e) Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

g) Điều 2 Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

h) Phụ lục 11, 12, 13, 14, 15 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

k) Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử;

l) Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;

m) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 11/2006/TT-BTM ngày 28 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thực hiện Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3.[5] Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Công Thương để được kịp thời hướng dẫn, giải quyết./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 47/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

n) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

o) Điều 15 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

p) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương."

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Mẫu văn bản	Ký hiệu	Trang
Mẫu đơn			
1	Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện *(cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP)*	Mẫu MĐ-1	2
2	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện *(cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP)*	Mẫu MĐ-2	4
3	Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Mẫu MĐ-3	5
4	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Mẫu MĐ-4	6
5	Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh	Mẫu MĐ-5	7
6	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh	Mẫu MĐ-6	8
7	Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh	Mẫu MĐ-7	9
8	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh	Mẫu MĐ-8	10
Mẫu Giấy phép			
9	Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Mẫu GP-1	11
10	Giấy phép thành lập Chi nhánh	Mẫu GP-2	13
Mẫu Thông báo chấm dứt hoạt động			
11	Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh	Mẫu TB-1	15

STT	Mẫu văn bản	Ký hiệu	Trang
Mẫu báo cáo			
12	Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện	Mẫu BC-1	16
13	Báo cáo hoạt động của Chi nhánh	Mẫu BC-2	18
14	Báo cáo định kỳ hàng năm của cơ quan cấp Giấy phép	Mẫu BC-3	20
15	Báo cáo tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện, báo cáo Bộ Công Thương	Mẫu BC-4[1]	
Ghi Giấy phép			
16	Cách ghi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Bảng 2	21

[1] Mẫu báo cáo tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện, báo cáo Bộ Công Thương (ký hiệu là Mẫu BC-4) được bổ sung theo quy định tại Điều 34 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Mẫu MĐ-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi:..... (tên cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doang nghiệp).....

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng: ..... .

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: .....

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập và đang hoạt động tại Việt Nam (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:.....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:...

Mã số thuế:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số...: (khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả việc chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số...:

Tên Văn phòng đại diện:.....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:...

Hoạt động của Văn phòng đại diện: .....

Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động: .....

Văn phòng đại diện số...: (khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)[2] Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số... [3] như sau:

Tên Văn phòng đại diện:.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Tên viết tắt (nếu có): .....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện) .....

.....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện[4]:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: .

Ngày cấp.../.../.... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam):.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

---

[2] Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

[3] Thương nhân tự khai báo số thứ tự trên cơ sở các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

[4] Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

Mẫu MĐ-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi:..... (tên cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doang nghiệp).....
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa) .....
Tên thương nhân viết tắt.....
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có).....

Đề nghị cấp lại[5] Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:
Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập) .....
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp:.../.../ .....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có).....
Mã số thuế:.....
Lý do cấp lại: .....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

---

[5] Áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.

Mẫu MĐ-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi:..... (tên cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doang nghiệp).....
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....
Tên thương nhân viết tắt:.....
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:
Tên Văn phòng đại diện (tên trên Giấy phép thành lập): .....
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:..... Ngày cấp.../.../ .....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có).....
Mã số thuế:.....
Nội dung điều chỉnh:.....
Lý do điều chỉnh: .....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu MĐ-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi:..... (tên cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doang nghiệp).....

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp:... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có).....

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện (tên trên Giấy phép thành lập): .....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp:.../.../ .....

Mã số thuế:.....

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời điểm gia hạn:... người; trong đó:

- Số lao động nước ngoài:... người;
- Số lao động Việt Nam:... người.

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu MĐ-5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh[6]

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doang nghiệp).....

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).

Ngành nghề kinh doanh:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng: .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh tại Việt Nam như sau:

Tên Chi nhánh:.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Chi nhánh: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện).....

---

[6] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm tử "Ủy ban nhân dân tỉnh" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Người đứng đầu Chi nhánh[7]:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: .

Ngày cấp.../.../.... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam): .....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Chi nhánh./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

[7] Trường hợp người đứng đầu Chi nhánh của thương nhân nước ngoài là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

Mẫu MĐ-6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh[8]

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doang nghiệp).....
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa) .....
Tên thương nhân viết tắt.....
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website (nếu có):.....

Đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh như sau:
Tên Chi nhánh:.....
Giấy phép thành lập Chi nhánh số:... Ngày cấp.../.../ .....
Điện thoại:..... Fax:.....Email:.....Website (nếu có):.....
Mã số thuế:.....
Lý do cấp lại: .....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Chi nhánh./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

---

[8] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm tử "Ủy ban nhân dân tỉnh" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Mẫu MĐ-7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh[9]

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doang nghiệp).....

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website (nếu có):.....

Đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh như sau:

Tên Chi nhánh: (ghi theo tên trên Giấy phép thành lập) .....

Giấy phép thành lập Chi nhánh số:... Ngày cấp.../.../ .....

Địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Chi nhánh: .....

Số tài khoản ngoại tệ:..... tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: .....

Mã số thuế:.....

Nội dung điều chỉnh:.....

Lý do điều chỉnh: .....

[9] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm tử "Ủy ban nhân dân tỉnh" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Chi nhánh./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu MĐ-8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh[10]

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp:... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh) ....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có).....

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh như sau:

Tên Chi nhánh:.....

Giấy phép thành lập Chi nhánh số:..... ngày cấp:.../.../.....

Số người lao động làm việc tại Chi nhánh:... người; trong đó, lao động nước ngoài:... người, lao động Việt Nam:... người.

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Chi nhánh./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

---

[10] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm tử "Ủy ban nhân dân tỉnh" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Mẫu GP-1

SỞ CÔNG THƯƠNG.../ BAN QUẢN LÝ...	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Số:.....

Cấp lần đầu: ngày... tháng... năm...
Điều chỉnh lần thứ: ..., ngày... tháng... năm...
Gia hạn lần thứ: ..., ngày... tháng... năm...
Cấp lại lần thứ: ..., ngày... tháng... năm...

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số..., ngày.../.../...[11])

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG.../TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ...

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BCT ngày tháng năm 2016 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép..... (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh) .....

[11] Đối với trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, Cơ quan cấp Giấy phép nơi Văn phòng đại diện chuyển đến ghi số, ngày cấp phép.

- Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp: .....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

được thành lập Văn phòng đại diện tại (tỉnh/thành phố).....

Điều 2. Tên Văn phòng đại diện

- Tên Văn phòng đại diện: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện trong Đơn đề nghị).....

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Đơn đề nghị).....

- Tên viết tắt: (nếu có).....

Điều 3. Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện

(ghi địa điểm đặt Văn phòng đại diện theo Đơn đề nghị).....

Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng đại diện[12]

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)..... Giới tính:.....

Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:.../.../.... Nơi cấp: .....

Điều 5. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (ghi cụ thể trên cơ sở đề nghị của thương nhân nước ngoài, phù hợp Luật Thương mại và quy định tại Nghị định số 07/2016/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan).

1. .....

2. .....

Điều 6. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến hết ngày... tháng... năm...

Điều 7. Giấy phép này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho:...; 01 (một) bản lưu tại Sở Công Thương/Ban quản lý... tỉnh/thành phố..../.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

[12] Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai số định danh cá nhân

Mẫu GP-2

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH[13]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa điểm, ngày... tháng... năm....

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP CHI NHÁNH
CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Số:.....

Cấp lần đầu: *ngày...tháng... năm...*
Điều chỉnh lần thứ: *..., ngày... tháng... năm...*
Gia hạn lần thứ: *..., ngày... tháng... năm...*
Cấp lại lần thứ: *..., ngày... tháng... năm...*

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...[14]

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BCT ngày tháng năm 2016 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và

---

[13] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm tử "Ủy ban nhân dân tỉnh" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[14] Cụm từ "Bộ trưởng Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm tử "Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh..." theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài;[15]

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh tại Việt Nam của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép..... (ghi bằng chữ in hoa theo tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

- Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:..... Ngày cấp:.../.../... Cơ quan cấp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Ngành nghề kinh doanh: .....

.....

được thành lập Chi nhánh tại Việt Nam.

Điều 2. Tên Chi nhánh

- Tên Chi nhánh: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Chi nhánh trong Đơn đề nghị) .....

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Đơn đề nghị).....

- Tên viết tắt: (nếu có) .....

Điều 3. Địa chỉ trụ sở Chi nhánh

(ghi địa điểm đặt Chi nhánh theo Đơn đề nghị).....

Điều 4. Người đứng đầu Chi nhánh[16]

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)..... Giới tính:.....

Quốc tịch: .....

---

[15] Căn cứ pháp lý này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

[16] Trường hợp người đứng đầu Chi nhánh đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai số định danh cá nhân

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:.../.../.... Nơi cấp: .....

Điều 5. Nội dung hoạt động của Chi nhánh (ghi cụ thể trên cơ sở đề nghị và lĩnh vực hoạt động của thương nhân nước ngoài, phù hợp với Luật Thương mại và quy định tại Nghị định số 07/2016/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan).

1.....

2.....

Điều 6. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép:

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến hết ngày... tháng... năm...

Điều 7. Giấy phép này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho:.... (tên thương nhân nước ngoài theo Đơn đề nghị); 01 (một) bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh[17]./.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...[18]

(Ký tên, đóng dấu)

[17] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm tử "Ủy ban nhân dân tỉnh" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[18] Cụm từ "Bộ trưởng Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm tử "Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh..." theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Mẫu TB-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH.....
(ghi tên theo Giấy phép)

Kính gửi:..... (tên cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép): .....

Số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh: .....

Ngày cấp... tháng... năm .....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa điểm đặt Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép) .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có).....

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm .....

Thông báo việc thanh toán hay chưa thanh toán các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện số...[19]/Chi nhánh...:

1. Thuế: .....
2. Bảo hiểm xã hội: .....
3. Các khoản khác: .....
4. Các nghĩa vụ khác (nếu có): .....

[19] Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa điểm trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, không phải kê khai nội dung này.

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam:.... từ ngày...tháng...năm...

Lý do chấm dứt hoạt động: .....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. /.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu BC-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng...năm...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
(Năm.....)

Kính gửi:
- ... (tên cơ quan cấp giấy phép);
- .... (tên Bộ ngành quản lý chuyên ngành).

Tên Văn phòng đại diện:... (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện trong Giấy phép thành lập).....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:.. ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Số tài khoản ngoại tệ (nếu có):..... tại Ngân hàng: .....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có).....

Mã số thuế:.....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: .....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện:

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)..... Giới tính: .....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp:...../...../.... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam): .....

Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện... trong năm... như sau:

I. Nhân sự của Văn phòng đại diện (bao gồm Trưởng đại diện và lao động làm việc tại Văn phòng đại diện)

1. Lao động làm việc tại Văn phòng đại diện (tại thời điểm báo cáo)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quốc tịch	Chức danh
1				
2				
...				

2. Chế độ đối với lao động làm việc tại Văn phòng đại diện

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Lương	Thưởng	Bảo hiểm	Chế độ khác
1						
2						
...						

3. Thay đổi lao động trong năm (chỉ báo cáo người vào làm việc và người chấm dứt làm việc tại Văn phòng đại diện)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu làm việc	Ngày chấm dứt làm việc	Ghi chú
1					
2					
...					

II. Hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Hoạt động thương mại

a) Hoạt động chủ yếu trong năm... của Văn phòng đại diện (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện trong năm):.....

- Các hoạt động tìm kiếm và giao dịch với đối tác (tên các đối tác và lĩnh vực):

- Các dự án tham gia (lĩnh vực, nội dung và địa điểm triển khai):.....

- Tổ chức/tham gia hội nghị, quảng cáo, hội chợ, trưng bày, triển lãm... theo quy định của pháp luật: .....

- Các hoạt động xã hội (nếu có):.....

- Hoạt động khác:.....

b) Kết quả hoạt động thực tế trong năm:

Nội dung hoạt động	Đối tác Việt Nam/ nước ngoài	Mặt hàng	Giá trị (USD)		Dự báo năm tiếp theo	Thị trường (nước)	Ghi chú
			Ký kết	Thực hiện			
Xúc tiến hợp đồng xuất khẩu: **1....** **2....**							
Xúc tiến hợp đồng nhập khẩu: **1....**							

Nội dung hoạt động	Đối tác Việt Nam/ nước ngoài	Mặt hàng	Giá trị (USD)		Dự báo năm tiếp theo	Thị trường (nước)	Ghi chú
			Ký kết	Thực hiện			
Xúc tiến đặt gia công hai chiều: 1...							
Xúc tiến cung ứng dịch vụ hai chiều: 1...							
Xúc tiến dự án hợp tác: 1...							
Nghiên cứu thị trường: 1...							
Tổng cộng							

2. Hoạt động trong các lĩnh vực khác (nêu công việc cụ thể trong mỗi lĩnh vực mà Văn phòng đại diện đã được cấp phép thực hiện)

2.1.....

2.2.....

III. Đề xuất, kiến nghị

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về sự trung thực và tính chính xác của nội dung báo cáo./.

Người đứng đầu Văn phòng đại diện
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu BC-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH
(Năm.....)

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh[20];
- ... (tên Bộ ngành quản lý chuyên ngành).

Tên Chi nhánh: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên trong Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập số:..... cấp ngày.... tháng.... năm.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm .....

Nội dung hoạt động: .....

Địa chỉ trụ sở Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có).....

Số tài khoản ngoại tệ tại Việt Nam:..... tại Ngân hàng: .....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

Mã số thuế:.....

Báo cáo hoạt động của Chi nhánh...trong năm... như sau:

I. Nhân sự của Chi nhánh (bao gồm Trưởng chi nhánh và lao động làm việc tại Chi nhánh)

1. Lao động làm việc tại Chi nhánh (tại thời điểm báo cáo)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quốc tịch	Chức danh
1				
2				
...				

[20] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm tử "Ủy ban nhân dân tỉnh" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Chế độ đối với lao động làm việc tại Chi nhánh

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Lương	Thưởng	Bảo hiểm	Chế độ khác
1						
2						
...						

3. Thay đổi lao động trong năm (chỉ báo cáo người vào làm việc và người chấm dứt làm việc tại Chi nhánh)

STT	Họ và tên	Chức danh	Quốc tịch	Ngày bắt đầu làm việc	Ngày chấm dứt làm việc	Ghi chú
1						
2						
...						

II. Hoạt động của Chi nhánh

1. Nội dung hoạt động của Chi nhánh (ghi cụ thể công việc đã thực hiện): .....

2. Tình hình hoạt động:.....

3. Kết quả hoạt động kinh doanh:.....

III. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm của Chi nhánh

1. Đánh giá chung:.....

2. Thuận lợi, khó khăn/vướng mắc:.....

IV. Đề xuất, kiến nghị

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung báo cáo./.

Người đứng đầu Chi nhánh
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu BC-3

Sở Công Thương/ Ban quản lý...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI...
(Năm:...)

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Tình hình cấp và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

	Năm trước báo cáo	**Năm báo cáo**	**Ghi chú**
1. Số lượng Giấy phép đang có hiệu lực, trong đó:			
- Giấy phép cấp mới			
- Giấy phép cấp lại *(theo khoản 1 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP)*			
- Giấy phép điều chỉnh			
- Giấy phép gia hạn			
- Giấy phép đang còn hiệu lực			
2. Số lượng Giấy phép chấm dứt hoạt động			
3. Số lượng Giấy phép thu hồi			

2. Tình hình và kết quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật

3. Tình hình và kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

4. Nhận xét, đánh giá

5. Đề xuất, kiến nghị

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu BC-4[21]

Báo cáo định kỳ hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Công Thương về tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại trên địa bàn tỉnh

(Bổ sung vào Phụ lục Thông tư số 11/2016/TT-BCT)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng...năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN, THU HỒI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI...

(Năm:...)

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh:

Tiêu chí	Năm trước báo cáo	Năm báo cáo	Ghi chú
1. Số lượng Giấy phép đang có hiệu lực, trong đó:			
- Giấy phép cấp mới			
- Giấy phép cấp lại *(theo khoản 2 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP)*			
- Giấy phép điều chỉnh			
2. Giấy phép gia hạn			
3. Số lượng Giấy phép thu hồi			
4. Số lượng Chi nhánh chấm dứt hoạt động			

2. Nội dung hoạt động của Chi nhánh theo lĩnh vực:

STT	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng Chi nhánh	Tỷ lệ (%)
1	Dịch vụ pháp lý		
2	Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan		

[21] Mẫu báo cáo tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện, báo cáo Bộ Công Thương (ký hiệu là Mẫu BC-4) được bổ sung theo quy định tại Điều 34 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

STT	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng Chi nhánh	Tỷ lệ (%)
3	Dịch vụ tư vấn quản lý		
4	Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý		
5	Dịch vụ xây dựng và các dịch vụ kỹ thuật liên quan		
6	Dịch vụ nhượng quyền thương mại		
7	Dịch vụ tài chính A- Dịch vụ bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm B- Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác C- Dịch vụ chứng khoán		

3. Tình hình hoạt động của Chi nhánh:

a. Tình hình hoạt động của từng Chi nhánh:

STT	Tên chi nhánh	Nơi đăng ký thành lập của thương nhân nước ngoài	Nội dung hoạt động	Sử dụng lao động			Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (tổng số thuế đã nộp, đơn vị: đồng)	Tình hình thực hiện chế độ báo cáo (Có/ Không)
				Tổng số	Lao động nước ngoài	Lao động Việt Nam		

b. Tình hình thực hiện nội dung hoạt động theo Giấy phép thành lập Chi nhánh.

c. Tình hình chấp hành pháp luật theo quy định tại Luật Thương mại, Nghị định số 07/2016/NĐ-CP và quy định pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực hoạt động của Chi nhánh.

4. Tình hình và kết quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật

.....

5. Tình hình và kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

.....

6. Nhận xét, đánh giá

.....

7. Đề xuất, kiến nghị

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...
(Ký tên, đóng dấu)

Bảng 1[22]

[22] Bảng 1 về mã số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

Bảng 2

GHI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

I. Cấu trúc số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Cấu trúc Số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

a) Số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do các Sở Công Thương các tỉnh, thành phố cấp gồm 9 chữ số (00-00000-00).

b) Số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao cấp gồm các chữ đặc định riêng cho Ban quản lý (BQL, BQLVSIP, BQLKKT, BQLCNC...và 9 chữ số (00-000-00).

c) Cấu trúc 9 chữ số:

- 02 chữ số đầu thể hiện Mã số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bảng 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

- 05 chữ số tiếp theo, từ 00001 đến 99999, là số thứ tự theo thời gian cấp phép do cơ quan cấp phép địa phương quy định;

- 02 chữ số cuối, từ 01 đến 99, là số thứ tự theo thời gian của Văn phòng đại diện của cùng một thương nhân, do thương nhân tự khai báo.

d) Ví dụ

- Số Giấy phép trên Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thứ 10 do Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Văn phòng đại diện thứ nhất của thương nhân nước ngoài (Công ty TNHH ABC), được ghi: 79-00010-01;

- Số Giấy phép trên Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thứ 3 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Văn phòng đại diện thứ hai của thương nhân nước ngoài (Công ty TNHH ABC), được ghi: BQL-79-00003-02 (trên thực tế Văn phòng đại diện này được thành lập trên cơ sở chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện thứ nhất theo quy định nêu tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP);

- Số Giấy phép trên Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thứ 8 do Ban quản lý khu công nghệ cao TP.HCM cấp cho Văn phòng đại diện thứ ba của thương nhân nước ngoài (Công ty TNHH ABC), được ghi: BQLKCNC-79-00008-03.

- Số Giấy phép trên Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thứ 21 do Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng cấp cho Văn phòng đại diện thứ tư của thương nhân nước ngoài (Công ty TNHH ABC), được ghi: 48-00021-04;

- Số Giấy phép trên Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thứ 5 do Ban quản lý VSIP tỉnh Bình Dương cấp cho Văn phòng đại diện thứ năm của thương nhân nước ngoài (Công ty TNHH ABC), được ghi: BQLVSIP-74-00005-05.

- Số Giấy phép thành lập văn phòng đại diện thứ 18 do Ban quản lý Khu kinh tế Bình Định cấp cho Văn phòng đại diện thứ sáu của thương nhân nước ngoài (Công ty TNHH ABC), được ghi: BQLKKT-52-00018-06.

2. Cấu trúc số Giấy phép thành lập Chi nhánh

Giấy phép thành lập Chi nhánh gồm 6 chữ số (0000-00)

- 04 chữ số đầu thể hiện năm cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh

- 02 chữ số sau là thứ tự của Chi nhánh thương nhân nước ngoài được cấp phép trong năm đó

- Ví dụ: Giấy phép thứ hai được cấp trong năm 2016 sẽ được ghi là 2016-02.

II. Hướng dẫn ghi một số chi tiết trên Giấy phép thành lập

1. Cấp lần đầu: ghi ngày tháng năm cấp Giấy phép thành lập

- Văn phòng đại diện của thương nhân ABC lần đầu vào Việt Nam. Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy phép thành lập vào ngày 01 tháng 9 năm 2016, ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 9 năm 2016

- Văn phòng đại diện của thương nhân ABC có Giấy phép thành lập số 01000010, do Sở Công Thương Hà Nội cấp vào ngày 10 tháng 10 năm 2013. Nay chấm dứt hoạt động ở Hà Nội và chuyển đến Đà Nẵng. Sở Công Thương Đà Nẵng cấp Giấy phép thành lập vào ngày 05 tháng 9 năm 2016, ghi:

Cấp lần đầu: ngày 05 tháng 9 năm 2016

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000010, ngày 10 tháng 10 năm 2013).

2. Cấp lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP: ghi ngày tháng năm lần cấp lại gần nhất

- Văn phòng đại diện đã được cấp Giấy phép thành lập, nay được cấp lại lần đầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, ghi:

Cấp lần đầu: ngày 05 tháng 9 năm 2016

Cấp lại lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000100, ngày 10 tháng 10 năm 2013).

3. Điều chỉnh: ghi theo lần điều chỉnh gần nhất

- Trường hợp Văn phòng đại diện đã được cấp Giấy phép thành lập, nay được điều chỉnh lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2017, ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 9 năm 2016

Cấp lại lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2016

Điều chỉnh lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000100, ngày 10 tháng 10 năm 2013).

- Trường hợp Văn phòng đại diện đã được cấp Giấy phép thành lập, nay được điều chỉnh lần 2 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 9 năm 2016

Cấp lại lần: 2, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Điều chỉnh lần:2, ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000100, ngày 10 tháng 10 năm 2013).

3. Gia hạn: ghi theo lần gia hạn gần nhất

- Trường hợp Văn phòng đại diện đã được cấp Giấy phép thành lập, nay được gia hạn lần đầu vào ngày 10 tháng 10 năm 2017, ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 9 năm 2016

Cấp lại lần: 2, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Điều chỉnh lần:2, ngày 30 tháng 6 năm 2017

Gia hạn lần đầu, ngày 10 tháng 10 năm 2018

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000100, ngày 10 tháng 10 năm 2013).

III. Hướng dẫn ghi số Giấy phép của Văn phòng đại diện được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực

Thương nhân nước ngoài đã được cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nay có nhu cầu cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập, cơ quan cấp giấy phép cấp Giấy phép ghi số Giấy phép thành lập theo hướng dẫn nêu tại Thông tư này.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn